



CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH TUY NÉN BÌNH ĐỊNH

Số: 30/2019/CBTT-CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 12 tháng 02 năm 2019



**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty: **Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định**

Mã chứng khoán: BTN

Trụ sở: Km 1215 Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 0256.3832809 Fax: 0256.3832809

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Thị Kim Chi

Địa chỉ: Công ty cổ phần gạch Tuy nén Bình Định

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0986679882 ; 0256.3832809

Fax: 0256.3832809

Loại Công bố thông tin: 24h; 72h; Yêu cầu; Bất thường; Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần gạch Tuy nén Bình Định.

Thông tin này cũng được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại: www.tuynenbinhdinh.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- HQQT, BKS (để b/c)
- Ban GD (để b/c)
- P.KTTV
- Lưu VT

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Chi

PHỤ LỤC SỐ 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH Năm 2018

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100431180 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu, ngày 28 tháng 12 năm 2001; thay đổi lần thứ 9, ngày 27 tháng 11 năm 2018.
- Vốn điều lệ: 44.655.700.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 44.655.700.000 đồng
- Địa chỉ: Km 1215, Quốc Lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
- Số điện thoại: (0256) 3832809, 3832176, 3832121, 3832254
- Số fax: (0256) 3832809
- Website: <http://www.tuynenbinhdinh.com.vn>
- Mã cổ phiếu: BTN

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty cổ phần gạch Tuy nen Bình Định, nguyên trước đây là Xí nghiệp công tư hợp doanh gạch ngói Phước An được thành lập ngày 02/02/1978 theo Quyết định số 1570 của UBND tỉnh Nghĩa Bình; đến ngày 28/12/1992 UBND tỉnh ra Quyết định số 2615/QĐ-UB về thành lập doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp gạch ngói Phước An; đến ngày 07/09/1996 UBND tỉnh ký Quyết định số 2133/QĐ-UB về thành lập Xí nghiệp gạch Tuy nen Bình Định; đến ngày 28/12/2001 UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 131/QĐ-UB về việc chuyển đổi Xí nghiệp gạch Tuy nen Bình Định thành Công ty cổ phần gạch Tuy Nen Bình Định.

Ngày 24/12/2001 tổ chức thành công phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Công ty với tổng số cổ phần chào bán thành công là 20.000 cổ phần và giá đấu thành công bình quân là 100.000 đồng/cổ phần.

Ngày 25/12/2001 tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Gạch Tuy nen Bình Định.

Ngày 28/12/2001 Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Gạch Tuy nén Bình Định theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 35 03 000018, đăng ký lần đầu ngày 28/12/2001 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Định cấp với vốn điều lệ là 2.000.000.000 đồng. Đăng ký thay đổi lần thứ 9, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 4100431180, ngày 27 tháng 11 năm 2018, Vốn điều lệ 44.655.700.000 đồng

Ngày 16/06/2017 Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 4146/UBCK-GSĐC của UBCKNN. Ngày 08/11/2018 Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận Báo cáo kết quả đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (Quỹ đầu tư và phát triển), số lượng đã phân phối 1.465.570 cổ phiếu.

Ngày 16/06/2017 Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 4146/UBCK-GSĐC của UBCKNN.

Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận đăng ký Chứng khoán lần đầu ngày 11/10/2017; Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 12/12/2018, với tổng số cổ phiếu đăng ký là 4.465.570 cổ phiếu.

- Thành tích đạt được:

- + Huân chương lao động hạng ba năm 2001
- + Huân chương lao động hạng nhì năm 2007
- + Huân chương lao động hạng nhất năm 2012
- + Giải thưởng “doanh nghiệp Việt Nam vàng” năm 2008.
- + Giải thưởng “Doanh nghiệp xuất sắc toàn quốc” lần thứ I năm 2009.
- + Giải bạc chất lượng Quốc gia năm 2011.
- + Dấu hiệu chứng nhận thương hiệu Việt uy tín năm 2013.
- + Thương hiệu, nhãn hiệu Vàng Việt Nam năm 2014.
- + Chứng thư thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp năm 2015
- + Danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2016, 2017
- + Cúp vàng thương hiệu Việt uy tín năm 2016
- + Cùng các giải thưởng khác...

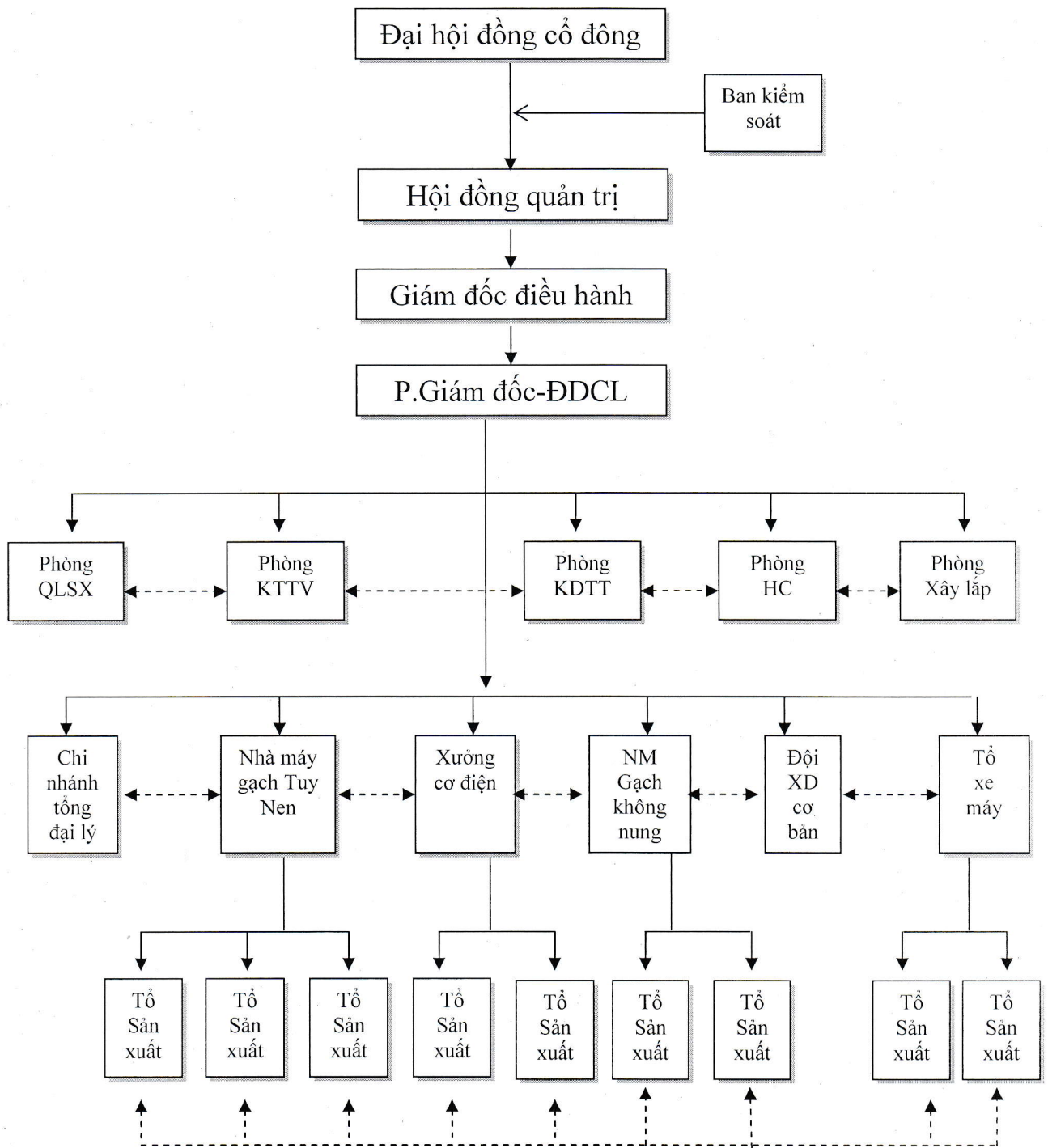
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: + Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất gạch bằng lò tuy nén, sản xuất các loại vật liệu xây dựng cao cấp và vật liệu công nghệ mới;

+ Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Sản xuất gạch không nung.

- Địa bàn kinh doanh: Chủ yếu tại khu vực tỉnh Bình Định.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:



—————> Quan hệ trực tuyến
 - - - - -> Quan hệ chức năng

3. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh các lĩnh vực ngành nghề mà pháp luật cho phép phù hợp năng lực của Công ty, nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty và người lao động, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện làm việc cho người lao động.

- Huy động và sử dụng vốn bảo đảm có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh nhằm phát triển bền vững, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính năm sau cao hơn năm trước, mang lại lợi ích tối đa cho các cổ đông Công ty và đạt mục tiêu hiệu quả cho xã hội.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Giữ vững thị trường tiêu thụ sản phẩm gạch nung Tuy nen, đồng thời đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm gạch không nung; trong đó có gạch xi măng cốt liệu đã đầu tư và cung cấp thị trường từ tháng 9/2016; còn gạch bê tông nhẹ khí chung áp AAC quý 4/2018 đã sản xuất thử có sản phẩm, năm 2019 sẽ cung cấp ra thị trường trong và ngoài tỉnh.

- Công ty có kế hoạch phát triển SXKD dài hạn đến 2025, trở thành nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm VLXD có quy mô lớn tại Miền trung và Tây nguyên,.... tạo giá trị gia tăng hợp lý và hiệu quả cao, bao gồm:

+ Nhà máy sản xuất gạch Tuy nen Bình Định, công suất 30 triệu viên tiêu chuẩn/năm

+ Nhà máy gạch bê tông nhẹ khí chung áp AAC, công suất 100.000 m³/năm

+ Nhà máy sản xuất vữa chuyên dụng,

+ Xưởng sản xuất công cụ dụng cụ phục vụ xây lắp gạch AAC,

+ Hệ thống dịch vụ đại lý, cung ứng vận chuyển và tư vấn người tiêu dùng.

4. Các rủi ro:

Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào nguồn cung cấp tại địa phương và từ bên ngoài. Nguyên liệu chính để sản xuất sản phẩm gạch là: đất sét, than cám, xi măng, cát, vôi bột, thạch cao, bột nhôm,..... Hiện nay nguồn nguyên liệu đầu vào đất sét dùng để sản xuất gạch nung gặp khó khăn, vì đặc điểm địa lý tỉnh Bình Định không có mỏ sét tập trung mà chỉ các điểm khai thác tận thu cải tạo đồng ruộng, nên phụ thuộc vào kế hoạch sản xuất nông nghiệp và quy hoạch phát triển nông thôn; Mặc khác đang trong quá trình thực hiện nông thôn mới, do đó phụ thuộc vào kế hoạch của địa phương; Tuy nhiên, Cty đã được UBND Huyện Tuy Phước giao nhiệm vụ cải tạo đồng ruộng theo quy hoạch phát triển nông thôn UBND tỉnh Bình Định phê duyệt, đảm bảo sản xuất những năm tới.

Nguồn cát để sản xuất gạch không nung Công ty liên kết các điểm mỏ trên địa bàn tỉnh Bình Định để cung ứng cho sản xuất; vì cát là nguồn tài nguyên không tái tạo, về lâu dài sẽ có xu hướng cạn kiệt, dự kiến lâu dài sẽ sử dụng nguồn cát biển qua xử lý và cát nhân tạo.

Nguồn vôi bột (đá vôi sau nung) sản xuất gạch AAC, Công ty liên kết các nhà máy sản xuất vôi Bắc Miền Trung và Miền Bắc để cung ứng cho sản xuất.

Xi măng, thạch cao, bột nhôm thị trường trong nước có sẵn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Căn cứ nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 55 ngày 06/02/2018, ĐHĐCĐ đã thông qua phương án sản xuất kinh doanh năm 2018 với các chỉ tiêu tài chính cơ bản về Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế. Theo Báo cáo thực hiện kế hoạch 8 tháng năm 2018 của Công ty, HĐQT đã ra Quyết định số 328/QĐ-HĐQT ngày 20/9/2018 về việc điều chỉnh chỉ tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2018; theo đó HĐQT quyết định điều chỉnh chỉ tiêu doanh thu thuần giảm từ 64,853 tỷ đồng xuống còn 38 tỷ đồng, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế giữ nguyên như ban đầu 3,0048 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu của việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh là do HĐQT nhận thấy tình hình thị trường có một số công trình gặp khó khăn về vốn, tài chính, tổ chức, quản lý,... nên tạm dừng như: FLC Farot Quy Nhơn dừng và làm thủ tục chuyển nhượng, Dự án tổ hợp thương mại dịch vụ Hoa sen bị thu hồi giấy phép đầu tư; Dự án khách sạn 5 sao của Cty Thiên Hưng dừng hoạt động do tổ chức nội bộ,... ngoài ra nguồn nguyên liệu đất sét thiếu nghiêm trọng chỉ đáp ứng đủ 50% nhu cầu, nên đã làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty.

T T	Nội dung	Thực hiện 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ % so 2017	Tỷ lệ % so KH
1	Sản lượng SX theo TK (triệu viên)	29.183	31.550	28.357	97,17	89,88
	Sản lượng SX theo NB (triệu viên)	24.885	26.600	23.493	94,41	88,32
	Trong đó: - Gạch nung (NB)	22.064	18.000	18.611	84,35	103,39
	- Gạch không nung XMCL(NB)	2.821	5.000	4.882	173,06	97,64
	- Gạch bê tông nhẹ A AC	-	3.600	-	-	-
2	Sản lượng TT theo TK (triệu viên)	29.237	32.050	24.196	82,76	75,49
	Sản lượng TT theo NB (triệu viên)	24.545	26.800	20.036	81,63	74,76
	Trong đó: - Gạch nung (NB)	21.063	20.000	15.189	72,11	75,95
	- Gạch không nung XMCL(NB)	3.482	5.000	4.847	139,20	96,94
	- Gạch bê tông nhẹ A AC	-	1.800	-	-	-
3	Khối lượng vận chuyển(NB)	11.825	13.600	9.970	84,31	73,31
	Trong đó: - Gạch nung (NB)	9.930	10.000	7.681	77,35	76,81

	- Gạch không nung XMCL(NB)	1.895	2.700	2.289	120,79	84,78
	- Gạch bê tông nhẹ A AC	-	900	-	-	-
4	Tổng doanh thu (Tỷ đồng)	35,277	38,000	28,601	81,08	75,27
	<i>Trong đó:</i> -DT SX CNghiệp	29,985	34,500	25,684	85,66	74,45
	-DT dịch vụ	2,184	3,050	2,234	102,29	73,25
	-DT Tài chính + Thu nhập khác	3,109	0,450	0,683	21,97	151,78
5	Tổng Chi phí (Tỷ đồng)	26,366	34,244	24,5054	92,94	71,56
6	Lợi nhuận T.thuế (Tỷ đồng)	8,910	3,756	4,0956	45,97	109,42
	Lợi nhuận ST (Tỷ đồng)	7,112	3,0048	3,2364	45,51	107,71
7	Tỷ lệ LN T.thuế/VGCSH (%)	29,70	12,52	9,17	30,88	73,24
8	Thực hiện Đầu tư (Tỷ đồng)	61,450	35,0	35	56,96	100
9	Thu nhập NLD (triệu đồng/tháng)	6,6	6,5	6,35	96,21	97,69

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (gồm Giám đốc, phó Giám đốc, kế toán trưởng, trưởng phòng nghiệp vụ, quản đốc nhà máy,...)

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lê Huy Hoàng	Giám đốc	
2	Lê Thanh Kỳ	Phó Giám đốc	
3	Trần Thị Kim Chi	Kế toán trưởng	
4	Trần Mạnh Hùng	Trưởng phòng Kinh doanh tiếp thị	
5	Trương Văn Tín	Trưởng phòng Quản lý sản xuất	
6	Nguyễn Đình Cẩn	Trưởng phòng Hành chính	
7	Ngô Quốc Vương	Quản đốc Nhà máy gạch Tuy nen Bình Định	
8	Nguyễn Thị Thơm	Quản đốc Nhà máy gạch bê tông nhẹ	

a). Ông Lê Huy Hoàng – Chủ tịch Hội đồng quản trị - Kiêm Giám đốc

1. Họ và tên : Lê Huy Hoàng
2. Giới tính : Nam
3. Ngày sinh : 09 - 11 - 1959
4. Nơi sinh : Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Quê quán : Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

7. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : Tổ 37A, KV 4, P. Quang Trung, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
8. Số CMND số : 211043632 Ngày cấp: 07/01/2013 Nơi cấp: Công an Tỉnh Bình Định
9. Điện thoại liên hệ : DD 0903506393
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng; cử nhân kinh tế - chuyên ngành Quản trị kinh doanh.
12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết : Chủ tịch Hội đồng quản trị - Kiêm Giám đốc
13. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
14. Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
01/1982 - 09/1986	Cán bộ quản lý kỹ thuật XN gạch ngói Phước An (nay là Cty Cp gạch TuyNen Bình Định)
10/1986 - 03/1990	Phó Giám đốc Cty Cp gạch TuyNen Bình Định
04/1990 - 12/2001	Giám đốc Công ty cổ phần gạch Tuy nen Bình Định
01/2002 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị - kiêm Giám đốc Công ty Cp gạch TuyNen Bình Định

15. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

16. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký công ty đại chúng: 238.428 cổ phần, chiếm 5,34 % tổng cổ sở phần của Công ty.

- Sở hữu cá nhân: 238.428 cổ phần
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

17. Sở hữu cổ phần của những người có liên quan (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ/chồng, anh, chị em ruột, con, con nuôi):

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Nơi công tác	Chức vụ	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ %
1	Trần Mạnh Hùng	21/09/1974	Phước Quang, Tuy Phước, Bình	211438984	01/03/2008	Công an Bình Định	Cty Cp gạch Tuy nen BĐ	TP.K DTT	Em ruột	52.075	1,17

			Định							
--	--	--	------	--	--	--	--	--	--	--

b). Ông Lê Thanh Kỳ - Phó chủ tịch HĐQT – kiêm Phó Giám đốc

1. Họ và tên : Lê Thanh Kỳ
2. Giới tính : Nam
3. Ngày sinh : 19 - 05 - 1957
4. Nơi sinh : Thanh Nho, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Quê quán : Thanh Nho, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An
7. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định
8. Số CMND số : 210946283 Ngày cấp: 12/01/2007 Nơi cấp: Công an Tỉnh Bình Định
9. Điện thoại liên hệ : DD 0903501375
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Trung cấp VLXD; cử nhân kinh tế - chuyên ngành Quản trị kinh doanh.
12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết : Phó chủ tịch Hội đồng quản trị - Phó Giám đốc
13. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
14. Quá trình công tác Thời gian : Chức vụ

09/1979 - 02/1981	Cán bộ quản lý Xí nghiệp gạch ngói Phước An (nay là Cty Cp gạch TuyNen Bình Định)
03/1981 - 03/1988	Đi bộ đội
04/1988 - 06/1994	Cán bộ vật tư kỹ thuật Cty Cp gạch TuyNen Bình Định
07/1994 - 12/2001	Phó Giám đốc Công ty Cp gạch Tuy nen Bình Định
01/2002 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT - kiêm Phó giám đốc Cty Cp gạch TuyNen Bình Định

15. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
16. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký công ty đại chúng: 245.086 cổ phần, chiếm 5,49 % tổng cổ số phần của Công ty.
 - Sở hữu cá nhân: 245.086 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
17. Sở hữu cổ phần của những người có liên quan (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ/chồng,

anh, chị em ruột, con, con nuôi):

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Nơi công tác	Chức vụ	Mối quan hệ	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ %
1	Chu Thị Hùy	07/04/1965	Phước Lộc, Tuy Phước, Bình Định	211719732	24/03/2013	Công an Bình Định	Nghỉ hưu		Vợ	66.187	1,48
2	Lê Thanh Ngọc	04/05/1971	Phước Lộc, Tuy Phước, Bình Định	215499235	22/04/2014	Công an Bình Định	DNTN XD Quang Hưng	Công nhân	Em ruột	10.864	0,24

c). Bà Trần Thị Kim Chi – Thành viên HĐQT – Kiểm kế toán trưởng

1. Họ và tên : Trần Thị Kim Chi
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày sinh : 30 - 01 - 1965
4. Nơi sinh : Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Quê quán : Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định
7. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định
8. Số CMND số : 210972515 Ngày cấp: 22/11/2012
9. Điện thoại liên hệ : 0256.3832809 ; ĐĐ 0986679882
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán
12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết : Kế toán trưởng
13. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
14. Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
05/1982 - 09/1984	Công nhân tại xí nghiệp gạch ngói Phước An (nay là Cty Cp gạch TuyNen Bình Định)
10/1984 - 02/1988	Đi học trung cấp nghiệp vụ kế toán tại Đà Nẵng
03/1988 - 06/2002	Cán bộ kế toán Cty Cp gạch TuyNen Bình Định
07/2002 đến nay	Thành viên HĐQT - kiêm Kế toán trưởng Công ty Cp gạch TuyNen Bình Định

15. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

16. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký công ty đại chúng: 228.967 cổ phần, chiếm 5,13 % tổng cổ sở phần của Công ty.

- Sở hữu cá nhân: 228.967 cổ phần
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

17. Sở hữu cổ phần của những người có liên quan (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ/chồng, anh, chị em ruột, con, con nuôi):

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Bá Khánh Trình	23/03/1996	Phước Lộc, Tuy Phước, Bình Định	215397734	28/05/2012	Công an Bình Định	Con	28.671	0,64

d). Ông Trần Mạnh Hùng – Thành viên HĐQT – Kiêm Trưởng phòng kinh doanh tiếp thị

1. Họ và tên : Trần Mạnh Hùng
2. Giới tính : Nam
3. Ngày sinh : 21 - 09 - 1974
4. Nơi sinh : Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Quê quán : Xã Phước Quang, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định
7. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : Xã Phước Quang, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định
8. Số CMND số : 211438984 Ngày cấp: 01/03/2008 Nơi cấp: Công an Bình Định
9. Điện thoại liên hệ : 0905158202
10. Trình độ văn hóa : 12/12

11. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành QTKD
 12. Chức vụ đang nắm giữ : Trưởng phòng kinh doanh tiếp thị tại tổ chức niêm yết
 13. Chức vụ đang nắm giữ : Không tại tổ chức khác
 14. Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
09/1996 - 11/2009	Công nhân Xí nghiệp gạch TuyNen Bình Định
12/2009 12/2013	Cán bộ quản lý kinh doanh Cty Cp gạch TuyNen Bình Định
01/2014 đến nay	Trưởng phòng KDDT Cty Cp gạch TuyNen Bình Định

15. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

16. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký công ty đại chúng: 52.075 cổ phần, chiếm 1,17 % tổng số cổ phần của Công ty.

- Sở hữu cá nhân: 52.075 cổ phần
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

17. Sở hữu cổ phần của những người có liên quan (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ/chồng, anh, chị em ruột, con, con nuôi):

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Nơi công tác	Chức vụ	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ %
1	Trần Thị Bích Vân	16/06/1979	Cát Tân, Phù Cát, Bình Định	211601178	05/06/2010	Công an Bình Định	Cty Cp gạch TuyNen BD	CB quản lý	Vợ	26.707	0,6
2	Lê Huy Hoàng	09/11/1959	Tổ 37A,K V4, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn	211043632	07/01/2013	Công an Bình Định	Cty Cp gạch TuyNen BD	CT. HD QT-kiêm GD Cty	Anh ruột	238.428	5,34

e). Ông Trương Văn Tín –Trưởng phòng Quản lý sản xuất

1. Họ và tên : Trương Văn Tín
2. Giới tính : Nam
3. Ngày sinh : 30 - 09 - 1979
4. Nơi sinh : Xã Phước Thành , H.Tuy Phước, T.Bình Định
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Quê quán : Xã Phước Thành , H.Tuy Phước, T.Bình Định
7. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : Xã Phước lộc, H.Tuy Phước, T.Bình Định
8. Số CMND số : 211668317 Ngày cấp 17/03/2012 Nơi cấp: Công an Bình Định
9. Điện thoại liên hệ : 0935726748
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết : Trưởng phòng Quản lý sản xuất
13. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : không
14. Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
11/2002 - 12/2009	Cán bộ kế hoạch Cty Cp gạch TuyNen Bình Định
01/2010 đến nay	Trưởng phòng QLSX Cty Cp gạch TuyNen Bình Định

15. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

16. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký công ty đại chúng: 51.796 cổ phần, chiếm 1,16 % tổng số cổ phần của Công ty.

- Sở hữu cá nhân: 51.796 cổ phần
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

f). Ông Nguyễn Đình Cẩn –Trưởng phòng Hành chính

1. Họ và tên : Nguyễn Đình Cẩn
2. Giới tính : Nam
3. Ngày sinh : 10 - 12 - 1959
4. Nơi sinh : Xã Khuyến nông, H.Triệu Sơn, T.Thanh Hóa
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Quê quán : Xã Khuyến nông, H.Triệu Sơn, T.Thanh Hóa
7. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : Xã Phước lộc, H.Tuy Phước, T.Bình Định
8. Số CMND số : 215169275 Ngày cấp 06/08/2007 Nơi cấp: Công

- an Bình Định
9. Điện thoại liên hệ : 0935748512
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Trung cấp VLXD; Cử nhân kinh tế
12. Chức vụ đang nắm giữ tại : Trưởng phòng hành chính
tổ chức niêm yết
13. Chức vụ đang nắm giữ tại : không
tổ chức khác
14. Quá trình công tác :
Thời gian Chức vụ

08/1978 - 04/1983	Đi Bộ đội
05/1983 - 11/1986	Đi học chuyên nghiệp VLXD
12/1986 đến nay	Cán bộ quản lý Cty Cp gạch TuyNen Bình Định

15. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
16. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký công ty đại chúng: 58.122 cổ phần, chiếm 1,30 % tổng cổ số phần của Công ty.
- Sở hữu cá nhân: 58.122 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
17. Sở hữu cổ phần của những người có liên quan (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ/chồng, anh, chị em ruột, con, con nuôi):

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Nơi công tác	Chức vụ	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Thị Thơm	04/09/1964	Phước Lộc, Tuy Phước, Bình Định	211719729	02/06/2012	Công an Bình Định	Cty Cp gạch TuyNen BĐ	Quản đốc N máy gạch không nung	Vợ	86.122	1,93

g). Ông Ngô Quốc Vương - Trưởng ban kiểm soát - Kiểm Quản độc phân xưởng SXC

1. Họ và tên : Ngô Quốc Vương
2. Giới tính : Nam
3. Ngày sinh : 20/08/1974
4. Nơi sinh : Xã Phước Thắng, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Quê quán : Xã Phước Thắng, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định
7. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định
8. Số CMND số : 215380634 Ngày cấp: 02/04/2011 Nơi cấp: Công an Bình Định
9. Điện thoại liên hệ : 0983512798
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế ; cử nhân Luật kinh tế
12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết : Trưởng ban kiểm soát - Quản đốc Nhà máy gạch Tuynen Bình Định
13. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
14. Quá trình công tác :
- | Thời gian | Chức vụ |
|-------------------|---|
| 07/1997 - 06/2002 | Cán bộ kế toán Cty CP gạch Tuy nen Bình Định |
| 07/2002 - 12/2009 | Thành viên ban kiểm soát – Cán bộ kế toán Công ty CP gạch Tuy nen Bình Định |
| 01/2010 đến nay | Trưởng ban kiểm soát - Quản đốc Nhà máy gạch Tuy Nen Bình Định |

15. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

16. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch: 88.699 cổ phần, chiếm 1,99 % tổng cổ số phần của Công ty.

- Sở hữu cá nhân: 88.699 cổ phần
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

17. Sở hữu cổ phần của những người có liên quan:

T	Họ và tên	CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Thị Thanh Thủy	215396076	18/10/2011	CA Bình Định	Vợ	43.173	0,97

h). Bà Nguyễn Thị Thơm - Thành viên HĐQT - Kiêm Quản đốc Nhà máy gạch

không nung

1. Họ và tên : Nguyễn Thị Thơm
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày sinh : 04 - 09 - 1964
4. Nơi sinh : Hưng Tân, Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Quê quán : Hưng Tân, Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
7. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : Xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định
8. Số CMND số : 211719729 Ngày cấp: 02/06/2012 Nơi cấp: Công an Bình Định
9. Điện thoại liên hệ : 0906067378
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Trung cấp VLXD; cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán
12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết : Thành viên HĐQT – kiêm Quản đốc Nhà máy gạch bê tông nhẹ Bình Định
13. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
14. Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
12/1986 - 12/2001	Cán bộ quản lý Xí nghiệp gạch ngói Phước An (nay là Công ty CP gạch Tuy nen Bình Định)
01/2002 - 06/2005	Thành viên HĐQT – Cán bộ quản lý Công ty CP gạch Tuy nen Bình Định
07/2005 - 12/2013	Thành viên HĐQT - Trưởng phòng kinh doanh tiếp thị Công ty CP gạch Tuy nen Bình Định
01/2014 đến nay	Thành viên HĐQT - Phó ban quản lý dự án - Quản đốc Nhà máy gạch bê tông nhẹ Bình Định

15. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

16. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch: 86.122 cổ phần, chiếm 1,93 % tổng cổ số phần của Công ty.

- Sở hữu cá nhân: 86.122 cổ phần

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

17. Sở hữu cổ phần của những người có liên quan:

TT	Họ và tên	CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Đình Cẩn	215169275	06/08/2007	CA Bình Định	Chồng	58.122	1,30

- Những thay đổi trong ban điều hành: không thay đổi

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Các chính sách Người lao động, đảm bảo thu nhập ổn định, các quyền lợi đảm bảo theo Pháp luật qui định; 100% Người lao động được đóng góp BHXH, BHYT các chế độ và các quyền lợi khác v.v. Ngoài ra Công ty còn phối hợp tổ chức Công đoàn thực hiện ký kết TULD tập thể, giao ước thi đua nên đã góp phần hoạt động SXKD đạt kế hoạch.

T T	Nội dung	Số lao động đến 31/12 (người)	Số lao động BQ năm	Qũy lương kế hoạch	Qũy lương thực hiện	Thu nhập BQ năm (1000)
I	Năm 2017	106	106	10.650.000.000	10.336.000.000	
1	Tổng số lao động	103	103	9.170.000.000	8.300.000.000	6.715
2	Lao động Quản lý	18	18	1.480.000.000	1.469.000.000	6.800
II	Năm 2018	104	105	9.609.000.000	9.379.604.628	
	Tổng số lao động	101	102	7.956.000.000	7.777.613.194	6.354
	Lao động quản lý	19	19	1.550.400.000	1.504.590.117	6.600
III	<i>So sánh năm 2018 với năm 2017</i>					
1	Gía trị	104/106	105/106	9,609/10,650	7,777/ 8,300	6.354/ 6.715
2	Tỷ lệ %	98,11	99,06	90,23	93,70	94,62

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Về đầu tư dự án: Cty thực hiện đầu tư dự án Nhà máy gạch không nung - bê tông nhẹ; gạch polyme khoán tổng hợp; tổng mức đầu tư 109 tỷ đồng; đã thực hiện từ năm 2014 đến nay được 93 tỷ đồng, (tiết kiệm khoản 15%); trong đó vốn vay tín dụng 26 tỷ đồng); còn lại Cty tiếp tục thanh toán trong quý I/2019; dây chuyền thiết bị sản xuất gạch bê tông

nhẹ khí chung áp AAC đã đi vào chạy thử trong quý 4/2018. Nguyên nhân dự án thực hiện chậm kế hoạch là do thay đổi thiết bị công nghệ và lựa chọn nhà cung cấp thiết bị đồng bộ, chính hãng TEEYER.

- Về đầu tư tài chính: Công ty tập trung vốn tự có cho đầu tư dự án, nên doanh thu tài chính năm 2018 thấp hơn 2017, nhưng giá trị tài sản tăng cao.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm (18/17)
Tổng giá trị tài sản	84.971.142.645	92.726.911.147	9,13%
Doanh thu thuần	32.197.777.711	27.918.638.497	-13,29%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.877.851.068	4.077.286.289	-48,24%
Lợi nhuận khác	1.032.780.668	18.318.597	-98,23%
Lợi nhuận trước thuế	8.910.631.736	4.095.604.886	-54,04%
Lợi nhuận sau thuế	7.112.278.637	3.236.404.754	-54,50%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	6%	(chờ TQ ĐHĐCD)	

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,13	0,96	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,24	0,60	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ P.trả/Tổng tài sản	38,75	43,43	
+ Hệ số Nợ P.trả/Vốn chủ sở hữu	63,27	76,77	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho (=Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	2,79	2,14	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,43	0,30	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	22,09	11,59	

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	13,67	6,17	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	8,37	3,49	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	24,47	14,60	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tên chứng khoán : Cổ phiếu Công ty cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định
- Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá chứng khoán: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- Mã chứng khoán : BTN
- Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành : 4.465.570 CP
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 4.465.570 CP
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định: 0 CP

5.2. Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ/Vốn điều lệ thực góp (%)
1	Cổ đông trong nước	153	4.384.162	98,18%
	- Tổ chức	0	0	0%
	- Cá nhân	153	4.384.162	98,18%
2	Cổ đông nước ngoài	1	12.600	0,28%
	- Tổ chức	1	12.600	0,28%
	- Cá nhân	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	1	68.808	1,54%
	Tổng cộng	155	4.465.570	100%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

5.5. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Nguồn nguyên liệu chính để sử dụng sản xuất sản phẩm gạch chủ yếu thu mua từ các nhà cung cấp trong tỉnh. Trong năm Cty đã sử dụng:

- Đất sét: 20.185 m³
- Than cám 5: 1.399 tấn
- Đá mặt: 8.367 m³

- Xi măng: 1.597 tấn
- Vôi cục: 67.655 kg
- Cát: 257 m³
- Thạch cao: 2.223 kg
- Bột nhôm: 657 kg

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

-Trong năm Cty đã tận dụng phế phẩm (gạch Bán thành phẩm hư hỏng) tái chế đưa vào sản xuất sản phẩm 5-6%

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Công ty sử dụng điện năng do Điện lực Tuy Phước - Công ty điện lực Bình Định cung cấp; tổng lượng điện tiêu thụ bq trong năm: 662.290 kw

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Trong năm Cty sử dụng nước ngầm cho sản xuất gạch bằng giếng khoan, lưu lượng 5 - 6 m³/h.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Gạch nung có; gạch không nung tuần hoàn 100%.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Diễn giải	Năm 2017	Năm 2018
Số lượng lao động	106	105
Tiền lương bình quân (đồng/người-tháng)	6.600.000	6.350.000

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Hàng năm, Cty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; thực hiện cấp đầy đủ trang phục cho người lao động đúng chế độ quy định; thực hiện chế độ độc hại đầy

đủ; chế độ trợ cấp, thăm hỏi ốm đau người lao động kịp thời; Môi trường lao động luôn được cải thiện; dụng cụ hỗ trợ người lao động luôn được cải thiện để giảm bớt sức lao động. Chế độ BHXH, BHYT, BHTN; bảo hiểm con người 24/24,... Cty tham gia đầy đủ, kịp thời đúng quy định; Ngoài ra, còn tổ chức sinh nhật cho người lao động; tổ chức gặp mặt sinh hoạt tinh thần cho người lao động nhân các ngày lễ lớn trong năm.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Hàng năm, Cty tổ chức đào tạo, sát hạch, thi tay nghề, nâng bậc thợ cho lao động trực tiếp, lao động kỹ thuật; cho đi tập huấn, đào tạo nghiệp vụ đối với nhân viên quản lý, kinh doanh.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: không có

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

- Hàng năm, Cty góp phần cùng địa phương hỗ trợ xây nhà tình nghĩa; hỗ trợ các gia đình chính sách, hộ nghèo; Xã nghèo vùng cao; ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt; các tổ chức xã hội, cộng đồng khác,... trên 250 triệu đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình, Ban Giám Đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ chỉ huy điều hành mọi hoạt động SXKD của Công ty; Đồng thời, có chủ trương, giải pháp kịp thời để tháo gỡ, khắc phục những khó khăn vướng mắc trong thực tế. Năm 2018, hoạt động SXKD của Công ty đã đạt được kết quả do ĐHCĐ giao, với những chỉ tiêu chủ yếu như sau:

T	Nội dung	Thực hiện 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ % so 2017	Tỷ lệ % so KH
1	Sản lượng SX theo TK (triệu viên)	29.183	31.550	28.357	97,17	89,88
	Sản lượng SX theo NB (triệu viên)	24.885	26.600	23.493	94,41	88,32
	Trong đó: - Gạch nung (NB)	22.064	18.000	18.611	84,35	103,39
	- Gạch không nung XMCL(NB)	2.821	5.000	4.882	173,06	97,64
	- Gạch bê tông nhẹ A AC	-	3.600	-	-	-
2	Sản lượng TT theo TK (triệu	29.237	32.050	24.196	82,76	75,49

	viên)					
	Sản lượng TT theo NB (triệu viên)	24.545	26.800	20.036	81,63	74,76
	Trong đó: - Gạch nung (NB)	21.063	20.000	15.189	72,11	75,95
	- Gạch không nung XMCL(NB)	3.482	5.000	4.847	139,20	96,94
	- Gạch bê tông nhẹ A AC	-	1.800	-	-	-
3	Khối lượng vận chuyển (NB)	11.825	13.600	9.970	84,31	73,31
	Trong đó: - Gạch nung (NB)	9.930	10.000	7.681	77,35	76,81
	- Gạch không nung XMCL(NB)	1.895	2.700	2.289	120,79	84,78
	- Gạch bê tông nhẹ A AC	-	900	-	-	-
4	Tổng doanh thu (Tỷ đồng)	35,277	38,000	28,601	81,08	75,27
	Trong đó: -DT SX CNghiệp	29,985	34,500	25,684	85,66	74,45
	-DT dịch vụ	2,184	3,050	2,234	102,29	73,25
	-DT Tài chính + Thu nhập khác	3,109	0,450	0,683	21,97	151,78
5	Tổng Chi phí (Tỷ đồng)	26,366	34,244	24,5054	92,94	71,56
6	Lợi nhuận T.thuế (Tỷ đồng)	8,910	3,756	4,0956	45,97	109,42
	Lợi nhuận S. thuế (Tỷ đồng)	7,112	3,0048	3,2364	45,51	107,71
7	Tỷ lệ LN T.thuế/VGCSH (%)	29,70	12,52	9,17	30,88	73,24
8	Thực hiện Đầu tư (Tỷ đồng)	61,450	35,0	35	56,96	100
9	Thu nhập NLD (triệu đồng/tháng)	6,6	6,5	6,35	96,21	97,69

Về chỉ tiêu sản lượng, doanh thu thực hiện đạt thấp hơn kế hoạch; vì hiện nay trên thị trường sản phẩm các lò gạch thủ công chuyển đổi sang lò gạch Hoffman, sản lượng tăng gấp hàng chục lần so với sản phẩm gạch Tuy nen, tạo sự cạnh tranh khốc liệt đối với sản phẩm cùng loại. Năm nay sản phẩm gạch không nung XMCL tiêu thụ cao hơn năm trước; Tuy nhiên, Cty thực hiện tiết kiệm chi phí để đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận đạt kế hoạch, đảm bảo cổ tức cho cổ đông và thực hiện đầy đủ kịp thời cho Ngân sách Nhà nước.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Nhóm tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
1. TSCĐ hữu hình	34.961.816.654	25.990.438.329	8.971.378.325
- Nhà cửa vật kiến trúc	17.259.343.132	13.445.897.869	3.813.445.263
- Máy móc thiết bị	15.544.990.055	10.387.056.993	5.157.933.062
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.049.631.910	2.049.631.910	-
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	107.851.557	107.851.557	-

2. Tài sản vô hình	-	-	-
TỔNG CỘNG	34.961.816.654	25.990.438.329	8.971.378.325

2.2. Tình hình nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
I	Nợ ngắn hạn	26.253.704.220	27.491.044.963
1	Phải trả người bán	7.313.630.053	7.937.144.367
2	Người mua trả tiền trước	58.615.217	168.471.070
3	Thuế và các khoản phải nộp NN	666.179.678	244.919.652
4	Phải trả người lao động	2.640.147.673	2.120.895.555
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	33.841.530	13.898.291
6	Chi phí phải trả ngắn hạn khác	49.509.035	11.406.602
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13.455.998.929	14.538.901.167
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.035.782.105	2.455.408.259
II	Nợ dài hạn	6.673.499.000	12.781.079.000
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.679.996.000	8.787.576.000
2	Phải trả người bán dài hạn	-	-
3	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	3.993.503.000	3.993.503.000

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Hiện tại, cơ cấu tổ chức quản lý tập trung Cty; Năm 2018 mô hình tổ chức công ty gồm có 2 nhà máy sản xuất hạch toán phụ thuộc, thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất Cty giao (được phân quyền tự chủ 1 phần về tài chính); các bộ phận phụ trợ và các phòng ban quản lý chuyên môn Cty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục giữ vững - ổn định sản phẩm Gạch nung TUY NEN truyền thống, với sản lượng sản xuất - tiêu thụ 20-30 triệu viên/năm; Chính thức đưa Dự án đầu tư Nhà máy Gạch không nung đi vào hoạt động và khai thác đạt công suất thiết kế 10 triệu viên/năm gạch XMCL và 100.000m³ gạch bê tông nhẹ AAC/năm. Ổn định việc làm nâng cao thu nhập cho người lao động; Bảo toàn và phát triển vốn; Làm tròn nghĩa vụ Ngân sách nhà nước; Xây dựng Doanh nghiệp phát triển mạnh, bền vững hàng đầu cả về kinh tế và mục tiêu xã hội; Đáp ứng nhu cầu thị trường trong khu vực và xuất khẩu với những sản phẩm dịch vụ tốt nhất, tiên tiến-hiện đại nhất.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Hàng năm, Cty luôn duy trì thực hiện việc đánh giá, báo cáo giám sát môi trường lao động; hợp đồng đơn vị thu gom các chất thải không tái sử dụng lại được.

- Sử dụng nước giếng khoan đủ dùng cho sản xuất và có thể tái sử dụng lại,
- Sử dụng điện năng đảm bảo định mức; có chế độ bảo trì bảo dưỡng, thay thế động cơ điện; chế độ quản lý sử dụng điện trước - trong - sau quá trình sản xuất để thực hiện tiết kiệm điện.

5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Cty luôn quan tâm đến chế độ an sinh lâu dài cho người lao động; tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, kịp thời; thực hiện chế độ trang bị phòng hộ cá nhân cho người lao động đầy đủ, kịp thời đúng quy định; tạo mọi điều kiện tốt nhất về vật chất, tinh thần cho người lao động khi làm việc tại Cty. Hàng năm, Công ty tổ chức cho người lao động được đào tạo, sát hạch nâng cao tay nghề, nâng bậc thợ cho người lao động.

5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Để môi trường kinh doanh của doanh nghiệp thuận lợi; Cty luôn có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương; góp phần cùng địa phương quan tâm đến công tác xã hội cộng đồng; công tác đền ơn đáp nghĩa, xóa nhà ở đơn sơ; hỗ trợ các gia đình chính sách, hộ nghèo, ủng hộ, tài trợ các tổ chức xã hội khi gặp thiên tai và các tổ chức xã hội khác,...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Hoạt động SXKD của Công ty năm 2018, có một số đặc điểm như sau: thuận lợi và khó khăn như sau:

- Năm 2018 Công ty tiếp tục thực hiện 2 nhiệm vụ vừa SXKD và vừa đầu tư XD CB dự án Nhà máy gạch không nung; Vì vậy, nổi lên 1 số khó khăn, thách thức như: UBND tỉnh yêu cầu các địa phương soát xét, thẩm tra và có ý kiến về việc quy hoạch vùng cải tạo đồng ruộng; nên việc khai thác tận thu nguyên liệu đất sét phục vụ sản xuất gạch nung không triển khai được trong năm 2019, dẫn đến thiếu nguyên liệu sản xuất; dự báo tình hình thị trường xây dựng cơ bản tiếp tục khó khăn vốn ngân sách hạn chế và cắt giảm, vốn dân cư nhu cầu không ổn định, diễn biến theo thời vụ ở từng khu vực và đối tượng; các dự án các Doanh nghiệp triển khai chậm thiếu vốn hoặc chờ cơ hội như: QLô 19, FLC Nhơn hội, FLC Quy Nhơn, tổ hợp cao ốc 28 Nguyễn Huệ, dự án Bulding Hoa sen, khách sạn 5 sao Kim Cúc, các dự án thuộc các khu công nghiệp, khu dân cư thương mại ở Quy Nhơn và các huyện...;

- Qua khảo sát nhu cầu đầu tư của dân cư trong xã hội có dấu hiệu tăng khá hơn so

năm trước, nhưng quy mô nhỏ, phân tán, tiến độ chậm tập trung ở khu vực đô thị Quy Nhơn và 1 số đô thị khác; Trong khi đó các cơ sở sản xuất VLXD tiếp tục đầu tư mở rộng tăng về số lượng và quy mô (đến nay có 40 cơ sở SX gạch nung bằng lò Hoffman cải tiến, gần 500 lò thủ công đang hoạt động, 30 cơ sở SX gạch xi măng cốt liệu, 4 cơ sở SX lò tuynen-CS 600 tr viên gạch các loại); nâng cao khả năng cung ứng cho thị trường nhiều loại gạch xây, quy cách, chất lượng, giá cả khác nhau với 1 số lượng cung vượt cầu, làm cho Nhà nước khó kiểm soát sản lượng, chất lượng và giá cả; Dẫn đến thị trường cạnh tranh gay gắt và khốc liệt về giá cả, ít quan tâm đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ..., làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động xây lắp và sản xuất VLXD đối với các doanh nghiệp luôn giữ uy tín, đầu tư nâng cao chất lượng- giá trị gia tăng sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng và thị trường;

- Mặt khác, việc tiếp cận và khai thác đủ vốn đầu tư nhà máy gạch không nung gặp nhiều khó khăn từ kênh ngân hàng thương mại và thị trường chứng khoán..., do thiếu chính sách khuyến khích đầu tư về phía Chính phủ, Ngân hàng nhà nước; nên nguồn tín dụng từ NHTM bị đóng băng đối với dự án gạch không nung (đến tháng 8/2018 Cty mới tiếp cận được vốn NHTM...), việc khai thác thị trường chứng khoán thủ tục hành chính rất rườm rà, qua nhiều tầng nấc.

- Về tiến độ xây dựng Nhà máy gạch không nung đã hoàn thành các hạng mục xây dựng và thiết bị chuyên sản xuất gạch bê tông nhẹ AAC đã đưa vào sản xuất thử, năm 2019 sẽ chính thức đi vào hoạt động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Cty

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình, Ban Giám Đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ chỉ huy điều hành mọi hoạt động SXKD của Công ty; Đồng thời, có chủ trương, giải pháp kịp thời để tháo gỡ, khắc phục những khó khăn vướng mắc trong thực tế. Năm 2018 hoạt động SXKD của Công ty đạt được những chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Chỉ tiêu sản lượng:

- Sản xuất: 23,49 tr.v.tc; đạt 88,32% kế hoạch; (Quy chuẩn t.kê: 28,367 tr.v)
Tr.đó GXMCL: 7,009 tr.v.cl; gạch AAC: 0
- Tiêu thụ: 20,04 tr.v.t.c; đạt 74,76% kế hoạch; (Quy chuẩn t.kê: 24,195 tr.v).
Tr.đó GXMCL: 6,961 tr.v
- Vận chuyển: 9,97 tr.v.t.c; đạt 73,31% kế hoạch; (Quy chuẩn t.kê: 11,707 tr.v)

Chỉ tiêu doanh thu: 28,601 tỷ.đ; đạt 75,27 % kế hoạch,

- Bán hàng: 25,684 tỷ.đ; đạt 74,45 % kế hoạch,
- Vận chuyển: 2,234 tỷ.đ; đạt 73,25 % kế hoạch,
- Tài chính, khác: 0,683 tỷ.đ; đạt 151,78 % kế hoạch,

Hiệu quả kinh doanh:

- Lợi nhuận trước thuế: 4,095 tỷ.đ; đạt 108,96% kế hoạch,
+ Sản xuất công nghiệp: 3,458 tỷ.đ;

- + Dịch vụ vận chuyển: 0,155 tỷ.đ;
- + Thu nhập tài chính, ≠: 0,482 tỷ.đ;
- Lợi nhuận sau thuế: 3,236 tỷ.đ; đạt 118,8% kế hoạch,

Tỷ lệ cổ tức: 245 đồng/cp;

Đầu tư dự án: Hoàn thành 100 hạng mục; Σ mức đầu tư thực hiện 93/109 tỷ.đ, tiết kiệm 15%;

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2019, kinh tế trong và ngoài nước được dự báo sẽ tăng trưởng hơn năm 2018 nhưng không nhiều; GDP năm 2018 đạt khá 7,08% thì năm 2019 GDP dự báo đạt ổn định hơn là 7,0-7,1%; Đó là nhận định của các chuyên gia phân tích của WB và các tổ chức kinh tế-tài chính thế giới đối kinh tế Việt nam; Phân đầu GDP đạt 300 tỷ USD đến năm 2020.

Điều này đòi hỏi Việt nam phải nỗ lực không ngừng. Về cộng đồng các doanh nghiệp Việt nam vẫn phải tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn; chi phí đầu vào SXKD tiếp tục tăng không ổn định, sức tiêu dùng của xã hội phục hồi nhưng chưa mạnh; nguồn vốn đầu tư của xã hội đổ nhiều vào bất động sản; cung-cầu giữa sản xuất và tiêu dùng còn mất cân đối, thị trường cạnh tranh gay gắt, không lành mạnh, nạn hàng giả, hàng kém chất lượng còn tràn lan chưa có sự kiểm soát...; là nguy cơ và thách thức đối các doanh nghiệp; Trong đó, doanh nghiệp chúng ta không phải là ngoại lệ. Năm 2019, là năm thứ 4 nhiệm kỳ V (2016 – 2020) của HĐQT Công ty; Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị xác định phương hướng hoạt động trong năm 2019 như sau:

- Hoàn thiện, cải tiến hệ thống quản trị Công ty theo hướng hiện đại-tiên tiến; Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển quy mô Công ty cả về chiều rộng lẫn chiều sâu;

- Tăng cường công tác dự báo-phân tích, nâng cao năng lực quản trị tài chính-quản trị rủi ro, đảm bảo tài chính Công ty an toàn phát triển và đạt hiệu quả cao.

- Tăng cường chỉ đạo, quản trị mọi hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển toàn diện; theo chiến lược “**CNH-HĐH Doanh nghiệp**” cả về quy mô, trình độ công nghệ, năng suất, hàm lượng chất xám-giá trị gia tăng và tạo liên kết chuỗi giá trị sản phẩm-dịch vụ; Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch năm 2019 do ĐHCĐ giao;

- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động toàn Công ty;

- Tăng cường chỉ đạo công tác quản trị rủi ro của toàn Công ty, kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho, đầu tư tài chính, đầu tư XD CB...

- Tìm kiếm thị trường, đối tác mới; mở rộng mạng lưới kinh doanh khai thác các địa bàn tiềm năng: Miền Trung-Tây nguyên, tp HCM và hướng đến thị trường xuất khẩu đối sản phẩm AAC; thông qua hình thức Hợp đồng thương mại, liên doanh liên kết, góp vốn đầu tư và hợp tác đa sở hữu vốn; nghiên cứu mở rộng kinh doanh phát triển sản phẩm mới, lĩnh vực mới, đa dạng loại hình kinh doanh.

- Tiếp tục tái cấu trúc lại doanh nghiệp về tổ chức sản xuất, về bộ máy quản trị, về hệ thống quản trị và về hạch toán kinh doanh theo cơ chế thị trường; Để phù hợp với yêu cầu phát triển Công ty ngày càng cao, đạt mục tiêu lợi nhuận và lợi ích xã hội tối đa;

- Nghiên cứu khảo sát chuẩn bị chiến lược đầu tư phát triển SXKD; Nhằm tăng giá trị thặng dư và chuỗi giá trị sản phẩm và dịch vụ cung ứng cho xã hội: viên xây-panel tường-cầu kiện định hình-vữa xây trát công nghiệp-vật tư phụ kiện cho thi công hoàn thiện-vận chuyển cung cấp đến chân công trình-tư vấn sử dụng sản phẩm;

- Thúc đẩy việc hoàn thiện hồ sơ pháp lý, giải quyết vướng mắc trong thủ tục đòi nợ khó đòi, thủ tục đầu tư dự án và thủ tục kinh doanh đúng Pháp luật.
- Chỉ đạo đẩy mạnh và đổi mới công tác nhân sự về: tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm và chính sách lương-thưởng cho CBCNV-người lao động Công ty.
- Chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;
- Thực hiện các chức năng quản trị Công ty trong mọi hoạt động SXKD theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và các quy chế khác.

V. Quản trị công ty

Công ty đã thực hiện báo cáo quản trị đúng theo quy định của pháp luật.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phiếu)
1	Lê Huy Hoàng	Chủ tịch HĐQT – TV HĐQT điều hành	238.428
2	Lê Thanh Kỳ	Phó Chủ tịch HĐQT – TV HĐQT điều hành	245.086
3	Trần Thị Kim Chi	Thành viên HĐQT – TV HĐQT điều hành	228.967
4	Nguyễn Thị Thơm	Thành viên HĐQT - TV HĐQT điều hành	86.122
5	Trần Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT - TV HĐQT điều hành	52.075

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp thường kỳ và 19 phiên họp đột xuất bất thường; để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT; Khi cần thiết mở rộng với sự tham gia dự họp của Ban kiểm soát, Ban giám đốc và Kế toán trưởng Công ty. Các cuộc họp được thực hiện theo đúng nội dung, trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế liên quan.

Ngoài ra, để xem xét và giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh giữa hai phiên họp, HĐQT đã tranh thủ lấy ý kiến các thành viên, Ban giám đốc, Ban kiểm soát; để quản trị, giám sát việc thực hiện Nghị quyết HĐQT đề ra.

Thực hiện công bố thông tin và các báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Trung tâm lưu ký chứng khoán VN, Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan quản lý có thẩm quyền; Nhằm đảm bảo sự công khai, minh bạch theo đúng quy định của pháp luật. Tiếp nhận và xử lý thông tin từ nhà đầu tư hoặc của các cổ đông.

Trong năm HĐQT ban hành 19 nghị quyết, 36 quyết định (10 Qđ liên quan đến Dự án đầu tư và 26 Qđ liên quan đến hoạt động SXKD) thuộc thẩm quyền HĐQT theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ. Cụ thể:

Các quyết định của nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018:

- Phê duyệt quyết toán tài chính năm 2017 và công bố đơn vị kiểm toán độc lập 2017;

- Phê duyệt danh sách chi trả cổ tức cho các cổ đông năm 2017;

- Phê duyệt quyết toán và danh sách chi trả thù lao, lương, thưởng cho các thành viên HĐQT, BKS và Ban giám đốc-Kế toán trưởng C.ty.

- Quyết định điều chỉnh danh sách bổ sung cổ phần cho các cổ đông hiện hữu từ khoản quỹ không được chia, theo phương án tăng vốn điều lệ lên 44,6557 tỷ đồng.

- Về đầu tư: Phê duyệt điều chỉnh nội dung: Hồ sơ thiết kế KT-TC, dự toán; Hồ sơ đấu thầu; Hồ sơ hợp đồng thi công các hạng mục còn lại phải làm trong năm 2018.

- Tiến hành soát xét, tăng cường quản lý dự án đầu tư bằng các biện pháp tích cực; Để tổng mức đầu tư tiết kiệm <15% (TMĐT dưới 95 tỷ.đ);

Về tổ chức: Quyết định chính thức tiến độ đưa dây chuyền sản xuất gạch AAC đi vào hoạt động 01/9/2018; Sau khi hoàn thành kế hoạch sản xuất thử, đào tạo, chuyển giao công nghệ T10-12/2018; và hoàn chỉnh hồ sơ quản lý gồm: Hệ thống định mức KT-KT, định mức-đơn giá tiền lương, chất lượng-hợp chuẩn-hợp quy và thông báo giá liên sở, theo quy định của Nhà nước;

Về quản trị: Thường xuyên soát xét, sửa đổi các Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT; Quy chế làm việc của Ban giám đốc và bộ máy quản lý Công ty; Quy chế trả lương, thù lao và thưởng của Ban giám đốc, HĐQT và Ban kiểm soát Công ty; Điều chỉnh chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2018; Phê duyệt phương án SXKD và các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch năm 2019; Quyết định phê duyệt định mức lao động-đơn giá tiền lương, thang bảng lương và hệ số lương tối thiểu doanh nghiệp năm 2018; Quyết định phê duyệt kế hoạch giá thành sản phẩm năm 2018; Ban hành đề án quy hoạch nhân sự giai đoạn 2018-2025; Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019;

Tiếp tục thực hiện chủ trương huy động vốn đầu tư và SXKD để phát triển C.Ty một cách linh hoạt, đa dạng (Kể cả hợp tác, liên kết, góp vốn-tài sản, cùng đầu tư và quản lý-khai thác dự án có hiệu quả). HĐQT đã có nhiều chủ trương, quyết định hoàn thiện quản trị SXKD phù hợp với yêu cầu của thị trường, xã hội và người lao động.

Thực hiện phương án tái cơ cấu lại mô hình tổ chức công ty, gồm có: 02 nhà máy sản xuất hạch toán phụ thuộc, thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất Công ty giao (Được phân quyền tự chủ 1 phần về tài chính); Các bộ phận phụ trợ và các phòng ban quản lý chuyên môn; Các văn phòng đại diện (khi cần);

Các quyết định khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

HĐQT tiếp tục chỉ đạo việc thu hồi nợ khó đòi theo đúng thủ tục tư pháp;

HDQT thường xuyên phối hợp với Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát, kiểm soát và hoàn thiện chế độ quản trị; Nhằm duy trì hoạt động của doanh nghiệp an toàn và đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;

Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát Ban giám đốc và Bộ máy quản lý Công ty thực hiện đúng Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quyết định của HDQT.

Thực hiện chức năng quản trị mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, theo đúng phạm vi quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và các quy định của pháp luật liên quan.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phiếu)
1	Ngô Quốc Vương	Trưởng ban Kiểm soát	88.699
2	Phạm Văn Thanh	Thành viên Ban kiểm soát	49.107
3	Lê Ngọc Sơn	Thành viên Ban kiểm soát	49.068

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

Trong năm, Ban kiểm soát đã tổ chức các phiên họp với nội dung tập trung vào những vấn đề thực hiện kiểm tra, giám sát tính phù hợp của các Nghị quyết, quyết định của HDQT và Ban quản lý điều hành Cty; kiểm soát toàn bộ hoạt động SXKD của Cty; kiểm soát thực hiện dự án đầu tư Nhà máy gạch không nung bê tông nhẹ và kiểm tra soát xét các hồ sơ, chứng từ sổ sách, báo cáo tài chính Công ty hàng năm.

Ban kiểm soát được tham dự tất cả các cuộc họp của HDQT và đưa ra một số kiến nghị liên quan đến hoạt động SXKD và đầu tư dự án của Cty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Lương, thưởng, thù lao của HDQT, BKS, BGD và cán bộ quản lý được thực hiện trong năm 2018 như sau:

* Về tiền lương:

STT	Họ tên	Chức vụ	Tiền lương (đồng)
1	Lê Huy Hoàng	Chủ tịch HDQT-kiêm Giám đốc Cty	619.195.244
2	Lê Thanh Kỳ	Phó Chủ tịch HDQT - kiêm Phó giám đốc Cty	387.643.116
3	Trần Thị Kim Chi	Thành viên HDQT - kiêm KTT	296.426.671
4	Nguyễn Thị Thơm	Thành viên HDQT - kiêm Quản đốc	118.161.967

		NM gạch không nung	
5	Trần Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT-kiểm TP KDTT	103.433.804
6	Ngô Quốc Vương	Trưởng ban Kiểm soát - Quản đốc PX SXC	104.302.985
7	Phạm Văn Thanh	Thành viên Ban kiểm soát	75.653.834
8	Lê Ngọc Sơn	Thành viên Ban kiểm soát	97.994.738
9	Nguyễn Đình Căn	TP hành chính	114.923.519
10	Trương Văn Tín	TP QLSX	109.726.058

*** Về tiền thù lao:**

STT	Họ tên	Chức vụ	Tiền thù lao
1	Lê Huy Hoàng	Chủ tịch HĐQT	48.384.000
2	Lê Thanh Kỳ	Phó Chủ tịch HĐQT	40.320.000
3	Trần Thị Kim Chi	Thành viên HĐQT	32.256.000
4	Nguyễn Thị Thơm	Thành viên HĐQT	32.256.000
5	Trần Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	32.256.000
6	Ngô Quốc Vương	Trưởng ban Kiểm soát	40.320.000
7	Phạm Văn Thanh	Thành viên Ban kiểm soát	32.256.000
8	Lê Ngọc Sơn	Thành viên Ban kiểm soát	32.256.000

*** Về tiền thưởng:**

STT	Họ tên	Chức vụ	Tiền thưởng
1	Lê Huy Hoàng	Chủ tịch HĐQT-kiểm Giám đốc Cty	87.745.935
2	Lê Thanh Kỳ	Phó Chủ tịch HĐQT-kiểm Phó Giám đốc Cty	71.799.857
3	Trần Thị Kim Chi	Thành viên HĐQT-kiểm KTT	61.185.331
4	Nguyễn Thị Thơm	Thành viên HĐQT-kiểm QĐ NM gạch không nung	16.385.614
5	Trần Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT-kiểm TP KDTT	16.065.550
6	Ngô Quốc Vương	Trưởng ban Kiểm soát- QĐ PX SXC	19.021.726
7	Phạm Văn Thanh	Thành viên Ban kiểm soát	15.265.390
8	Lê Ngọc Sơn	Thành viên Ban kiểm soát	15.265.390
9	Nguyễn Đình Căn	TP hành chính	3.840.768
10	Trương Văn Tín	TP QLSX	3.840.768

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã thực hiện báo cáo quản trị đúng theo quy định của pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính


1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (Đã gửi)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Giám đốc

Là Huy Hoàng